

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



VÕ THỊ THANH HUYỀN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU THUẾ TRONG
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN
PHƯỜNG HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2026

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Bảo

Phản biện 1: TS. Lê Trung Hiếu

Phản biện 2: TS. Lê Thanh Trúc

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 06 tháng 6 năm 2026

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, góp phần bảo đảm nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện các chính sách an sinh. Trong đó, quản lý thu thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) ngày càng quan trọng do sự phát triển nhanh của các trường tư thục, trung tâm ngoại ngữ, kỹ năng và đào tạo nghề.

Mặc dù hoạt động dạy học thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, nhiều khoản thu khác như giữ xe, bán tài liệu, đồng phục và dịch vụ hỗ trợ vẫn thuộc diện chịu thuế. Nếu quản lý chưa chặt chẽ dễ dẫn đến kê khai sai, lợi dụng ưu đãi và thất thu ngân sách.

Phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là địa bàn trung tâm, tập trung nhiều CSGD công lập và ngoài công lập, có tính đại diện cao cho thực trạng quản lý thu thuế trong lĩnh vực giáo dục. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài: “Quản lý nhà nước về thu thuế đối với các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng” nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế trên địa bàn.

2. Mục tiêu xây dựng đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phân tích thực trạng, nhận diện thành công và hạn chế, từ đó xây dựng đề án Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng hiệu quả và bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Trình bày cơ sở lý luận, pháp lý về Quản lý nhà nước về thu thuế CSGD.
- Phân tích thực trạng, xác định hạn chế và nguyên nhân.
- Đề xuất, tổ chức thực hiện các giải pháp Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD tại phường Hải Châu.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: Tập trung vào 5 khía cạnh Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD: (1) Tổ chức bộ máy; (2) Tuyên

truyền, hỗ trợ người nộp thuế; (3) Lập dự toán thu thuế; (4) Tổ chức thu thuế và (5) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế.

- Về mặt không gian: Đề tài nghiên cứu trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Về mặt thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng từ năm 2021 - 2025; đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2026 - 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

* *Thu thập dữ liệu thứ cấp*: Hồ sơ khai thuế, dữ liệu từ ứng dụng quản lý thuế tập trung, báo cáo ngành, văn bản pháp luật, hướng dẫn chuyên ngành và các công trình nghiên cứu liên quan

* *Thu thập dữ liệu sơ cấp*: Khảo sát 20 công chức thuế và 180 CSGD (chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo loại hình nộp thuế và địa bàn kinh doanh) qua Phiếu điều tra Likert 5 mức độ từ 25/02/2026 đến 25/03/2026.

Kết quả được tổng hợp, xử lý trên Excel để phân tích trung bình, mô tả, so sánh.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

- Kế thừa: Chọn lọc các nghiên cứu, báo cáo trước đây để bổ sung cơ sở lý luận.

- Phân tích - tổng hợp: Đánh giá mức độ tuân thủ thuế, hiệu quả quản lý và những vấn đề tồn tại.

- So sánh: Giữa ý kiến công chức thuế và các CSGD, đồng thời so với các địa bàn tương đồng.

- Thống kê mô tả: Tổng hợp chỉ tiêu, so sánh theo thời gian để nhận diện xu hướng và hạn chế.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Kết quả nghiên cứu giúp Lãnh đạo Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng có cái nhìn toàn diện về quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD tại phường Hải Châu, chỉ rõ những bất cập và nguyên nhân, đồng thời cung cấp giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả

quản lý.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài Mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, đề án có kết cấu gồm 04 chương đó là:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý về quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp của đề án quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU THUẾ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý nhà nước trong các cơ sở giáo dục

1.1.1. Khái niệm về thuế

Thuế là khoản nộp ngân sách Nhà nước mang tính cưỡng chế, bắt buộc, gắn liền với quyền lực công, không hoàn trả trực tiếp cho người nộp và được sử dụng nhằm phục vụ lợi ích công cộng cũng như bảo đảm duy trì hoạt động của Nhà nước.

1.1.2. Cơ sở giáo dục

CSGD là tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, thực hiện chức năng giáo dục và đào tạo thông qua việc tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý người học nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực cho người học theo mục tiêu giáo dục của từng cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.1.3. Quản lý thu thuế trong các CSGD

Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD là hoạt động có tổ chức, mang tính quyền lực nhà nước của cơ quan có thẩm quyền trong việc ban hành, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế đối với các CSGD; nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước, góp phần thực hiện chức năng quản lý tài chính công và bảo đảm công bằng, minh bạch trong nghĩa vụ thuế.

1.1.4. Ý nghĩa của đề án

1.2. Các nội dung Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD

1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) là hệ thống cơ quan, đơn vị và cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, thu thuế đối với hoạt động của các CSGD.

Đây là nội dung quan trọng nhằm bảo đảm quản lý thống nhất, thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các CSGD thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tại cấp phường, công tác này chủ yếu do Thuế cơ sở thực hiện thông qua sự phối hợp giữa các tổ chức trực thuộc.

Các tiêu chí đánh giá gồm:

- Bộ máy quản lý tinh gọn;
- Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ rõ ràng;
- Số lượng cán bộ phù hợp;
- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý thuế.

1.2.2. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) nhằm giúp các đơn vị hiểu và thực hiện đúng quy định pháp luật thuế, hạn chế sai sót trong kê khai, nộp thuế và sử dụng hóa đơn điện tử.

Hoạt động này bao gồm: phổ biến chính sách thuế mới, hướng dẫn xác định nghĩa vụ thuế, hỗ trợ thủ tục kê khai – nộp thuế điện tử, xử lý sai sót và tổ chức đối thoại với CSGD.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế, giảm thất thu ngân sách và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Tiêu chí đánh giá:
- Tính kịp thời;
- Tính rõ ràng, dễ hiểu;
- Mức độ thuận tiện khi tiếp cận hỗ trợ;
- Chất lượng hỗ trợ của cán bộ thuế;
- Mức độ hài lòng và ý thức chấp hành của CSGD.

1.2.3. Lập dự toán thu thuế

Dự báo khoa học số thu ngân sách, làm căn cứ chỉ tiêu hợp lý và phòng ngừa rủi ro.

Các tiêu chí đánh giá: Dự toán thu thuế đối với các CSGD được lập đúng quy định (trình tự, mẫu biểu, thời gian...); Dự toán thu

thuế đối với các CSGD sát với số thực hiện.

1.2.4. Tổ chức thu thuế

a. Quản lý đối tượng nộp thuế

Quản lý đối tượng nộp thuế là nội dung quan trọng trong Quản lý nhà nước về thu thuế, nhằm quản lý các CSGD đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và được cấp mã số thuế. Công tác này bao gồm rà soát, phân loại, cập nhật thông tin và theo dõi biến động của các CSGD trên địa bàn.

Thực hiện tốt quản lý đối tượng nộp thuế giúp cơ quan thuế kiểm soát đầy đủ nguồn thu, hạn chế thất thu ngân sách và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

b. Đăng ký thuế

Đăng ký thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) là hoạt động bắt buộc nhằm đưa CSGD vào diện quản lý của cơ quan thuế và cấp mã số thuế theo quy định.

Thông qua đăng ký thuế, cơ quan thuế quản lý các thông tin cơ bản của CSGD như tên đơn vị, địa chỉ, loại hình hoạt động và nghĩa vụ thuế phát sinh. Đây là cơ sở để thực hiện kê khai, nộp thuế và sử dụng hóa đơn điện tử.

Nội dung quản lý gồm: tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thuế, cập nhật thay đổi thông tin, quản lý mã số thuế và phối hợp với các cơ quan liên quan trong quản lý CSGD.

c. Kê khai - Ấn định thuế

Kê khai – ấn định thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) là nội dung quan trọng trong Quản lý nhà nước về thu thuế. Kê khai thuế là việc CSGD tự xác định và khai báo doanh thu, chi phí và số thuế phải nộp theo quy định. Do đặc thù lĩnh vực giáo dục có cả hoạt động không chịu thuế và hoạt động chịu thuế nên CSGD phải phân loại đúng các khoản thu khi kê khai.

Ấn định thuế được áp dụng khi CSGD không kê khai, kê khai không đầy đủ hoặc không cung cấp được hồ sơ, chứng từ cần thiết. Khi đó, cơ quan thuế sẽ xác định số thuế phải nộp dựa trên dữ liệu

quản lý và thông tin liên quan.

Nội dung quản lý gồm: hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ kê khai thuế, kiểm tra hồ sơ, đơn đốc kê khai đúng hạn, thực hiện ấn định thuế và xử lý vi phạm về kê khai thuế.

d. Nộp thuế

Nộp thuế đối với các cơ sở giáo dục (CSGD) là việc CSGD thực hiện nộp số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn và đúng quy định. Nghĩa vụ thuế có thể phát sinh từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thu khác.

Cơ quan thuế thực hiện theo dõi số thuế phải nộp, kiểm soát thời hạn nộp thuế, tính tiền chậm nộp và áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với trường hợp nợ thuế kéo dài. Đồng thời, khuyến khích các CSGD thực hiện nộp thuế điện tử nhằm giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch.

Hiệu quả quản lý nộp thuế thường được đánh giá thông qua tỷ lệ nộp đúng hạn, tình hình nợ thuế và hiệu quả công tác đơn đốc thu nợ của cơ quan thuế.

e. Quản lý thông tin NNT

Quản lý thông tin người nộp thuế (NNT) là quá trình thu thập, cập nhật và sử dụng thông tin liên quan đến các cơ sở giáo dục (CSGD) nhằm phục vụ công tác quản lý thuế.

Nội dung quản lý gồm:

- Thông tin nhận dạng: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ, loại hình hoạt động;
- Thông tin hoạt động và nghĩa vụ thuế: doanh thu, chi phí, số thuế phải nộp, đã nộp và còn nợ;
- Hồ sơ khai thuế, quyết định xử lý thuế và kết quả thanh tra, kiểm tra;
- Phân tích, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ thuế của CSGD.

Quản lý tốt thông tin NNT giúp cơ quan thuế kiểm soát nguồn thu và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

f. Quản lý nợ thuế

Quản lý nợ thuế là hoạt động của cơ quan thuế nhằm kiểm soát và thu hồi các khoản thuế chưa nộp hoặc nộp chậm vào ngân sách nhà nước.

Nội dung quản lý gồm: phát hiện và phân loại nợ thuế, đơn đốc nộp thuế, gia hạn hoặc khoan nợ trong trường hợp đặc biệt, cưỡng chế thu hồi nợ và xử lý vi phạm pháp luật thuế.

Tiêu chí đánh giá:

- Quản lý người nộp thuế chặt chẽ;
- Tỷ lệ thuế đã nộp so với số phải nộp;
- Tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu ngân sách;
- Cơ cấu nợ theo thời gian.

1.2.5. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế là hoạt động của cơ quan thuế nhằm kiểm tra hồ sơ, sổ sách và đối chiếu số liệu kê khai của người nộp thuế để bảo đảm thực hiện đúng nghĩa vụ thuế.

Xử lý vi phạm về thuế là việc áp dụng các biện pháp như truy thu thuế, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Nội dung chủ yếu gồm: kiểm tra hồ sơ, đối chiếu dữ liệu, phân tích rủi ro, xác định số thuế phải nộp và xử lý các hành vi vi phạm.

Tiêu chí đánh giá:

- Số cuộc kiểm tra thực hiện;
- Số thuế truy thu, xử phạt;
- Tỷ lệ thực hiện kiến nghị sau kiểm tra;
- Tỷ lệ giảm vi phạm qua các năm.

1.3. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Luật Quản lý Thuế và văn bản hướng dẫn.
- Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) và các văn bản hướng dẫn.
- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và văn bản hướng

dẫn.

- Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và văn bản hướng dẫn.

Kết luận chương 1

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU THUẾ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm của phường Hải Châu ảnh hưởng đến quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.3. Tình hình các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu

Số CSGD trên địa bàn tại thời điểm 25/4/2026 là:

Phân loại theo loại hình sở hữu:

- CSGD công lập (do Nhà nước thành lập, đầu tư và bảo đảm kinh phí hoạt động): 35 NNT

- CSGD tư thực (do tổ chức, cá nhân thành lập và tự bảo đảm kinh phí): 145 NNT

Phân loại theo cấp học, trình độ đào tạo:

- Giáo dục mầm non: 17 NNT

- Giáo dục Tiểu học và Trung học: 18 NNT

- Giáo dục nghề nghiệp: 145 NNT

- Giáo dục đại học: không có

Phân loại theo hình thức kê khai thuế:

- Kê khai theo phương pháp khấu trừ: 119 NNT.

- Kê khai theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu: 16 NNT.

- Không phải nộp thuế GTGT: 45 NNT.

2.1.4. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đến công tác Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD:

- Hải Châu là khu vực trung tâm hành chính – thương mại của thành phố Đà Nẵng, có hạ tầng giao thông và công nghệ thông tin phát triển, thuận lợi cho hoạt động của các CSGD và triển khai quản lý thuế điện tử.

- Mật độ dân cư cao, nhu cầu học tập lớn và cơ cấu kinh tế dịch vụ phát triển đã thúc đẩy sự gia tăng của các CSGD ngoài công lập, mở rộng nguồn thu thuế nhưng cũng làm tăng áp lực quản lý đối

tượng nộp thuế.

- Điều kiện đô thị hóa và chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả kê khai, nộp thuế và hóa đơn điện tử; tuy nhiên các CSGD nhỏ vẫn có thể gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ.

- Bên cạnh đó, chi phí thuê mặt bằng cao, sự cạnh tranh giữa các CSGD và ảnh hưởng của thời tiết có thể tác động đến doanh thu, nghĩa vụ thuế và nguy cơ phát sinh vi phạm thuế.

Vì vậy, cơ quan thuế cần tăng cường quản lý thông tin, kiểm tra, giám sát và phân tích rủi ro nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý thuế đối với các CSGD trên địa bàn.

2.2. Thực trạng Quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Từ ngày 01/3/2025, ngành thuế đã chuyển đổi từ mô hình “quản lý thuế theo chức năng, kết hợp với đối tượng” sang mô hình “quản lý theo đối tượng, kết hợp quản lý theo chức năng”. Trước đây, đặc trưng của mô hình quản lý thuế theo chức năng, kết hợp với đối tượng là lấy 04 chức năng tuyên truyền hỗ trợ, kê khai, quản lý nợ, thanh tra kiểm tra thuế làm gốc, trong từng chức năng sẽ phân chia ra các khâu, các nhóm quản lý theo đối tượng. Nay, theo chủ trương tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả, mỗi công chức quản lý từng đối tượng quản lý sẽ thực hiện hỗ trợ NNT đầy đủ các chức năng.

2.2.2. Thực trạng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Kết quả khảo sát cho thấy công tác hỗ trợ người nộp thuế đã được cơ quan thuế quan tâm và triển khai tương đối đồng bộ thông qua đa dạng hóa hình thức hỗ trợ, hiện đại hóa công nghệ và cập nhật kịp thời chính sách, thủ tục thuế. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn phụ thuộc vào kế hoạch và kinh phí riêng lẻ, hình thức tuyên truyền còn thiên về truyền thống, chưa đáp ứng tốt nhu cầu tiếp cận thông tin hiện đại của các CSGD. Đồng thời, việc thay đổi nhiều chính sách trong năm 2025 khiến công tác hỗ trợ chưa xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh, làm giảm hiệu quả hỗ trợ người nộp thuế.

2.2.3. Thực trạng lập dự toán thu thuế

Công tác lập dự toán thu thuế các CSGD tại phường Hải Châu bám sát định hướng phát triển KT-XH và đảm bảo kịp thời, song tính khả thi chưa cao do còn chênh lệch đáng kể giữa dự toán và số thu thực tế.

2.2.4. Thực trạng tổ chức thu thuế

Cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế để áp dụng biện pháp quản lý, giám sát và đánh giá mức độ tuân thủ phù hợp. Đồng thời, hệ thống thông tin quản lý thuế được xây dựng trên nền tảng dữ liệu số, hỗ trợ quản lý điện tử và tự động hóa quy trình nghiệp vụ.

Đối với các CSGD, cơ quan thuế đã phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND phường để cập nhật danh sách cơ sở được cấp phép hoạt động. Việc liên thông dữ liệu điện tử giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế giúp cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin người nộp thuế hiệu quả hơn, đồng thời hỗ trợ công tác khảo sát, hướng dẫn kê khai và đưa cơ sở vào quản lý thuế.

Tuy nhiên, vẫn còn một số trung tâm ngoại ngữ, cơ sở dạy thêm và lớp kỹ năng sống quy mô nhỏ hoạt động chưa đăng ký kinh doanh hoặc chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý.

2.2.5. Thực trạng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Qua số liệu cho thấy, công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu có xu hướng tăng qua các năm, phản ánh việc cơ quan thuế đã tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện nhiều sai phạm hơn trong kê khai thuế. Đồng thời, kết quả thu hồi sau kiểm tra đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế và tăng thu ngân sách.

Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm được đánh giá ở mức khá tốt. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra và phân công nhiệm vụ

cho công chức thuế được thực hiện tương đối rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, hoạt động kiểm tra trên thực tế chưa thật sự thường xuyên và đồng đều.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy công tác kiểm tra, xử lý vi phạm vẫn còn một số hạn chế như tính minh bạch và thuyết phục của kết luận kiểm tra chưa cao, việc công khai và thực hiện xử lý vi phạm chưa thật sự hiệu quả. Ngoài ra, mức độ hài lòng của người nộp thuế đối với thái độ và tác phong của công chức thuế vẫn chưa rõ ràng, cho thấy cần tiếp tục cải thiện chất lượng thực thi và nâng cao tính khách quan trong công tác quản lý thuế.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước về thu thuế trong các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Những kết quả đạt được

Công tác quản lý thu thuế đối với các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu đã có nhiều chuyển biến tích cực.

- Bộ máy quản lý được tinh gọn, chuyên môn hóa và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

- Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế được triển khai đa dạng, giúp các CSGD nâng cao nhận thức và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

- Công tác lập dự toán, tổ chức thu, quản lý nợ và kiểm tra, giám sát thuế được thực hiện tương đối chặt chẽ, đúng quy định, góp phần tăng thu ngân sách, nâng cao tính minh bạch và ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

2.3.2. Hạn chế

Công tác quản lý thu thuế đối với các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu vẫn còn một số hạn chế như:

- Bộ máy quản lý chưa thật sự đồng bộ, nguồn nhân lực và kỹ năng công chức chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hiện đại hóa.

- Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế còn mang

tính hình thức, chưa đa dạng và chưa khai thác hiệu quả các kênh thông tin hiện đại.

- Công tác lập dự toán thu thuế còn phụ thuộc nhiều vào số liệu quá khứ, thiếu tính chủ động và phân tích rủi ro.

- Trong tổ chức thu thuế, việc quản lý dữ liệu và cập nhật thông tin chưa thật sự đồng bộ, vẫn còn tình trạng bỏ sót đối tượng quản lý và hiệu quả thu hồi nợ thuế chưa cao.

- Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm chưa thường xuyên, chưa ứng dụng đầy đủ phân tích rủi ro và dữ liệu số, làm giảm hiệu quả phát hiện và xử lý vi phạm thuế.

2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế

- Về phía cơ quan thuế, quá trình tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số diễn ra nhanh nhưng chưa đồng bộ với quy trình nghiệp vụ, trong khi nguồn nhân lực, hạ tầng công nghệ và khả năng khai thác dữ liệu còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ và quản lý vẫn thiên về hành chính, chưa thực sự theo hướng quản lý rủi ro và phục vụ người nộp thuế.

- Về phía cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật thuế còn thay đổi thường xuyên, dữ liệu giữa các cơ quan chưa liên thông hiệu quả, gây khó khăn cho việc quản lý và kiểm soát đối tượng nộp thuế. Đồng thời, sự gia tăng nhanh của các CSGD ngoài công lập cũng tạo áp lực lớn cho công tác quản lý thuế.

- Về phía các CSGD, một số cơ sở chưa nhận thức đầy đủ nghĩa vụ thuế, năng lực quản trị tài chính – kế toán còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ trong kê khai, nộp thuế chưa hiệu quả, dẫn đến sai sót hoặc chưa chấp hành đầy đủ quy định. Nhìn chung, sự thiếu đồng bộ giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và môi trường quản lý là nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả quản lý thu thuế.

Kết luận chương 2

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU THUẾ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng đề án

3.1.1. Định hướng về quản lý thu thuế đối với các CSGD của TW

3.1.2. Định hướng phát triển các CSGD của thành phố Đà Nẵng

3.2. Các giải pháp của đề án

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy Quản lý nhà nước về thu thuế

Để khắc phục những hạn chế trong tổ chức bộ máy quản lý thu thuế, cần rà soát và phân công nhiệm vụ theo hướng cá thể hóa trách nhiệm gắn với từng nhóm CSGD, đồng thời xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc cụ thể nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của công chức thuế. Đối với các CSGD có quy mô lớn hoặc rủi ro cao cần bố trí cán bộ có kinh nghiệm quản lý chuyên sâu, trong khi các cơ sở nhỏ áp dụng phương thức quản lý phù hợp nhưng vẫn đảm bảo bao quát đầy đủ.

Bên cạnh đó, cần tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ theo hướng liên thông, số hóa và giảm phụ thuộc vào hồ sơ giấy; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên sâu về chính sách thuế, kỹ năng phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin. Việc hoàn thiện cơ chế phối hợp nội bộ và liên ngành, kết hợp đẩy mạnh quản lý thuế điện tử, phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu thuế đối với các CSGD trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền chuyên đề phù hợp với đặc thù lĩnh vực giáo dục, tập trung vào các nội dung thường phát sinh vướng mắc và trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Đồng thời, đa dạng hóa

hình thức hỗ trợ thông qua tập huấn, đối thoại, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và thư điện tử; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu hội – đáp nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ.

Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền địa phương, đồng thời thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của các CSGD để kịp thời cải thiện chất lượng phục vụ và nâng cao ý thức tuân thủ thuế.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

Cần nâng cao chất lượng dữ liệu đầu vào thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, liên thông và cập nhật kịp thời đối với các CSGD. Đồng thời, đổi mới phương pháp lập dự toán theo hướng dựa trên phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng và đánh giá rủi ro thay vì phụ thuộc chủ yếu vào số liệu các năm trước.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số và tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan liên quan để nâng cao tính chính xác của dự toán. Đồng thời, chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác dự toán nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

a. Quản lý đối tượng nộp thuế

Cần rà soát, cập nhật đầy đủ danh sách CSGD và phối hợp liên ngành để quản lý kịp thời biến động. Đồng thời, hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo hướng phân loại theo quy mô và rủi ro, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý.

b. Đăng ký thuế

Cần chuẩn hóa và liên thông dữ liệu đăng ký thuế với các cơ quan liên quan, đảm bảo cấp mã số thuế kịp thời và đầy đủ. Đẩy mạnh đăng ký thuế điện tử, số hóa quy trình và tăng cường kiểm tra chéo dữ liệu để hạn chế sai sót và bỏ sót đối tượng. Đồng thời, áp dụng quản lý nợ theo rủi ro, tăng phối hợp liên ngành và ứng dụng công nghệ để

nâng cao hiệu quả cưỡng chế và thu hồi nợ.

c. Kế khai - Ấn định thuế

Cần tăng cường liên thông dữ liệu đa ngành, phân loại CSGD theo quy mô và rủi ro để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp. Đẩy mạnh hóa đơn điện tử, hệ thống thuế điện tử và khai thác dữ liệu lớn nhằm tự động hóa kê khai, nâng cao minh bạch. Đồng thời, áp dụng quản lý rủi ro để tập trung kiểm tra các trường hợp có dấu hiệu sai phạm.

d. Nộp thuế

Cần mở rộng nộp thuế điện tử, tích hợp với ngân hàng và ví điện tử để đơn giản hóa thủ tục. Tăng cường đối chiếu, hỗ trợ xử lý sai sót và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời, nâng cao năng lực hỗ trợ của cán bộ thuế để tăng mức độ tuân thủ tự nguyện.

e. Quản lý thông tin người nộp thuế

Cần hiện đại hóa hệ thống dữ liệu tập trung, tăng cường nhân lực công nghệ thông tin và đầu tư hạ tầng số. Xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp, kết nối đa chức năng và đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu phục vụ quản lý CSGD hiệu quả.

f. Quản lý nợ thuế

Cần tăng cường phối hợp liên ngành, phân loại nợ theo rủi ro và theo dõi thường xuyên để xử lý phù hợp. Áp dụng linh hoạt biện pháp đôn đốc, cưỡng chế và hỗ trợ; đồng thời hiện đại hóa phần mềm quản lý nợ, tự động cảnh báo và nhắc nợ. Quản lý theo rủi ro giúp tập trung xử lý nợ cao, đồng thời khuyến khích tuân thủ tốt.

3.2.5. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế

Cần chuyển từ kiểm tra dàn trải sang kiểm tra trọng tâm dựa trên phân tích dữ liệu lớn và bộ chỉ số rủi ro đặc thù lĩnh vực giáo dục, nhằm phát hiện chính xác các trường hợp có nguy cơ vi phạm cao. Đồng thời, tăng cường liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế với ngành giáo dục và chính quyền địa phương để kịp thời phát hiện cơ sở hoạt động sai phạm hoặc không điều chỉnh nghĩa vụ thuế.

Việc xử lý vi phạm cần đảm bảo công bằng, minh bạch, phân

loại rõ mức độ vi phạm; kết hợp xử phạt với hướng dẫn đối với sai sót kỹ thuật và áp dụng chế tài nghiêm đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Bên cạnh đó, cần tăng cường giám sát nội bộ, ứng dụng công nghệ để kiểm soát toàn bộ quy trình kiểm tra, hạn chế tiêu cực và nâng cao tính minh bạch. Qua đó, xây dựng cơ chế kiểm tra hiệu quả, nghiêm minh và bền vững trong quản lý thuế đối với các CSGD.

Kết luận chương 3

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Với giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy thu thuế

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

- Thuế Cơ sở 2 là đơn vị chủ trì, thực hiện quản lý trực tiếp các CSGD theo hướng phân loại rủi ro, cá thể hóa trách nhiệm công chức, đơn đốc thu nộp, xử lý vi phạm; đồng thời tổ chức bộ phận CNTT – phân tích dữ liệu, triển khai KPI, đào tạo và luân chuyển cán bộ, lấy ý kiến phản hồi để hoàn thiện bộ máy.

- Thuế TP Đà Nẵng giữ vai trò chỉ đạo, ban hành quy trình, tiêu chí KPI, phê duyệt nhân sự – đào tạo – đầu tư CNTT và giám sát việc thực hiện.

- Sở GD&ĐT phối hợp cung cấp dữ liệu, hỗ trợ kiểm tra – xác minh, tuyên truyền và đánh giá hiệu quả quản lý CSGD.

- Các đơn vị liên quan (công an, ngân hàng, tài chính, kho bạc) phối hợp trong kiểm tra, chia sẻ dữ liệu, đối chiếu và hỗ trợ quản lý thu, nợ thuế.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2030 triển khai theo 5 bước:

- Năm 2026 chuẩn hóa bộ máy, KPI, dữ liệu và đào tạo;
- Năm 2027 thí điểm quản lý theo rủi ro, cá thể hóa trách nhiệm và kết nối dữ liệu;
- Năm 2028 mở rộng đồng bộ, hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực phân tích;
- Năm 2029 tối ưu hóa dựa trên dữ liệu, tăng dự báo và kiểm tra trọng tâm;
- Năm 2030 ổn định mô hình và chuyển sang quản lý thuế thông minh, ứng dụng sâu dữ liệu lớn.

4.1.3. Kinh phí, nguồn lực

- Kinh phí thực hiện gồm ngân sách nhà nước, kinh phí cải cách – hiện đại hóa ngành thuế và nguồn xã hội hóa từ các đơn vị liên quan; tập trung cho đào tạo, vận hành và đầu tư CNTT, dữ liệu và phân tích rủi ro.

- Nguồn nhân lực gồm đội ngũ nội bộ ngành thuế theo hướng chuyên môn hóa (quản lý rủi ro, CNTT, kiểm tra), lực lượng liên ngành (công an, ngân hàng, giáo dục, tài chính) và chuyên gia hỗ trợ.

- Cơ sở vật chất được nâng cấp theo hướng hiện đại hóa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng CNTT và hệ thống dữ liệu liên thông.

- Giai đoạn 2026–2027 tập trung đầu tư ban đầu, 2028–2029 mở rộng và tối ưu vận hành, 2030 ổn định và nâng cấp hệ thống quản lý thông minh.

4.2. Với giải pháp tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

- Thuế Cơ sở 2 chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền theo chuyên đề, biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn – đối thoại, vận hành kênh hỗ trợ đa dạng, xây dựng cơ sở dữ liệu hỏi – đáp và theo dõi mức độ hài lòng, tuân thủ của CSGD.

- Thuế TP Đà Nẵng chỉ đạo, phê duyệt kế hoạch, cấp kinh phí, hỗ trợ hạ tầng CNTT và giám sát hiệu quả thực hiện.

- Sở GD&ĐT phối hợp cung cấp dữ liệu, tổ chức đối thoại, lồng ghép tuyên truyền và phản hồi vướng mắc từ thực tiễn.

- Các đơn vị khác như hiệp hội, hội DN nhỏ và vừa và cơ quan truyền thông hỗ trợ kết nối, tập huấn và lan tỏa thông tin chính sách thuế.

4.2.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2030 triển khai theo 5 bước:

- Năm 2026 chuẩn hóa kế hoạch, tài liệu và hệ thống hỗ trợ đa kênh;

- Năm 2027 triển khai đồng bộ tập huấn, đối thoại và cơ sở dữ liệu hỏi–đáp;

- Năm 2028 mở rộng, nâng cao chất lượng hỗ trợ và ứng dụng CNTT;

- Năm 2029 tối ưu hóa, cá thể hóa hỗ trợ theo nhóm CSGD và tăng phản hồi thời gian thực;

- Năm 2030 hoàn thiện hệ thống hỗ trợ số, tích hợp dữ liệu lớn và tự động hóa một phần giải đáp.

4.2.3. Kinh phí, nguồn lực

- Kinh phí tập trung cho đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, cơ sở dữ liệu hỏi–đáp, nền tảng hỗ trợ trực tuyến và hệ thống đánh giá mức độ hài lòng, đồng thời huy động thêm nguồn phối hợp từ các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Nhân lực gồm đội ngũ tuyên truyền – hỗ trợ chuyên trách, kết hợp CNTT và quản lý rủi ro; có sự phối hợp của UBND phường và Sở GD&ĐT trong cung cấp dữ liệu và truyền thông.

- Cơ sở vật chất gồm phòng truyền thông, thiết bị trình chiếu, máy chủ dữ liệu, website tích hợp chatbot, hệ thống chia sẻ dữ liệu liên ngành và thiết bị di động hỗ trợ tác nghiệp.

- Giai đoạn 2026–2027 tập trung đầu tư nền tảng và chuẩn hóa nội dung; 2028–2029 mở rộng và nâng cao chất lượng; 2030 tối ưu hệ thống, chuyển sang hỗ trợ tự động và dựa trên dữ liệu.

4.3. Với giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

- Thuế Cơ sở 2 chủ trì công tác lập dự toán, thực hiện thu thập – phân tích dữ liệu CSGD, xây dựng dự toán theo sắc thuế và mức độ rủi ro, phối hợp các bộ phận liên quan và theo dõi điều chỉnh dự toán trong năm, đồng thời vận hành hệ thống dự báo và báo cáo.

- Thuế TP Đà Nẵng chỉ đạo, ban hành hướng dẫn, cung cấp công cụ và dữ liệu, đào tạo cán bộ và phê duyệt dự toán.

- Sở GD&ĐT phối hợp cung cấp thông tin về quy mô, biến động CSGD và xác minh dữ liệu thực tế.

- Các đơn vị khác (công an, ngân hàng, kho bạc, quản lý thị trường, tài chính...) phối hợp cung cấp và đối chiếu dữ liệu phục vụ dự báo, đảm bảo độ chính xác của dự toán thu.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2030 triển khai theo 5 bước:

- Năm 2026 chuẩn hóa dữ liệu CSGD, phương pháp và quy

trình lập dự toán;

- Năm 2027 áp dụng lập dự toán dựa trên dữ liệu thực tế và bắt đầu ứng dụng CNTT;

- Năm 2028 nâng cao chất lượng dự báo, tích hợp dữ liệu liên ngành và áp dụng mô hình rủi ro;

- Năm 2029 tối ưu hóa, ứng dụng dữ liệu lớn và tự động hóa một phần;

- Năm 2030 hoàn thiện mô hình lập dự toán hiện đại, giảm can thiệp thủ công và tăng tính chính xác.

4.3.3. Kinh phí, nguồn lực

- Kinh phí tập trung cho xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm dự báo thuế, khảo sát thực tế CSGD, đào tạo phân tích dữ liệu và tổ chức phối hợp liên ngành.

- Nhân lực gồm công chức thuế theo chức năng và đầu mối phối hợp từ các đơn vị liên quan.

- Cơ sở vật chất gồm máy chủ dữ liệu riêng, phần mềm dự báo tích hợp AI, thiết bị khảo sát di động và hệ thống kết nối dữ liệu liên ngành trên nền tảng cloud.

- Giai đoạn 2026–2027 đầu tư nền tảng dữ liệu và đào tạo; 2028–2029 mở rộng ứng dụng phân tích và liên kết dữ liệu; 2030 tối ưu hóa và tiến tới tự động hóa lập dự toán.

4.4. Với giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

- Thuế Cơ sở 2 chủ trì quản lý trực tiếp các CSGD, gồm lập danh bạ, quản lý đăng ký – kê khai – nộp thuế, đơn đốc nghĩa vụ thu, kiểm soát hóa đơn điện tử, quản lý nợ và xử lý vi phạm; đồng thời phân công công chức theo địa bàn và mức độ rủi ro.

- Thuế TP Đà Nẵng chỉ đạo, ban hành quy trình quản lý theo rủi ro, cung cấp hạ tầng – phần mềm, đào tạo cán bộ và kiểm tra định kỳ việc thực hiện.

- Sở GD&ĐT phối hợp cung cấp thông tin, xác minh hoạt động CSGD và hỗ trợ xử lý vi phạm.

- Các đơn vị khác như công an, ngân hàng, kho bạc phối hợp xác minh thông tin, kiểm soát dòng tiền, hỗ trợ cưỡng chế và đối chiếu thu ngân sách.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2030 triển khai theo 5 bước:
- Năm 2026 chuẩn hóa dữ liệu, rà soát đăng ký – kê khai và phân loại rủi ro ban đầu;
- Năm 2027 tăng cường quản lý kê khai, đơn đốc nộp thuế và xử lý nợ;
- Năm 2028 nâng cao kiểm tra, giám sát và phối hợp liên ngành;
- Năm 2029 quản lý theo rủi ro dựa trên dữ liệu kê khai, hóa đơn và ngân hàng, tăng cường chế với trường hợp vi phạm;
- Năm 2030 hoàn thiện mô hình quản lý thu điện tử, tự động hóa và chuẩn hóa toàn bộ quy trình.

4.4.3. Kinh phí, nguồn lực

- Kinh phí phục vụ rà soát, cập nhật dữ liệu CSGD, tập huấn – hướng dẫn kê khai và hóa đơn điện tử, kiểm tra thực tế tại cơ sở, tuyên truyền nghĩa vụ thuế và duy trì hệ thống CNTT quản lý thuế.
- Nhân lực gồm công chức thuế theo chức năng và cán bộ đầu mối từ các đơn vị phối hợp.
- Cơ sở vật chất gồm thiết bị làm việc (máy tính, máy in, di động), máy chủ dữ liệu kết nối hệ thống thành phố và hạ tầng văn phòng – mạng phục vụ quản lý và hỗ trợ người nộp thuế.

4.5. Với giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

- Thuế cơ sở 2: Chủ trì xây dựng tiêu chí rủi ro để kiểm tra CSGD (doanh thu kê khai thấp, thu tiền mặt, không xuất hóa đơn, phản ánh vi phạm...). Tổ chức kiểm tra hồ sơ và thực tế tại cơ sở; đối chiếu dữ liệu hóa đơn điện tử, kê khai và thông tin liên quan để phát hiện sai phạm; lập biên bản và xử lý vi phạm; theo dõi sau kiểm tra; đồng thời

tăng cường hướng dẫn, nhắc nhở và bồi dưỡng kỹ năng kiểm tra cho công chức.

- Thuế thành phố Đà Nẵng: Ban hành hướng dẫn về tiêu chí rủi ro và quy trình kiểm tra; cung cấp dữ liệu, phần mềm hỗ trợ; giám sát, kiểm tra hoạt động kiểm tra của Thuế cơ sở 2; tổ chức đào tạo nghiệp vụ và làm đầu mối phối hợp liên ngành khi cần.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Cung cấp thông tin về cấp phép, quy mô và tình trạng hoạt động của CSGD; phối hợp tuyên truyền và hỗ trợ kiểm tra thực địa.

- Các đơn vị liên quan: Công an kinh tế: hỗ trợ xác minh và xử lý hành vi trốn thuế, bỏ trốn; Ngân hàng và đơn vị thanh toán: cung cấp dữ liệu giao dịch phục vụ đối chiếu doanh thu; Người dân, phụ huynh: phản ánh thông tin phục vụ giám sát xã hội.

4.5.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026 – Rà soát, chuẩn hóa và kiểm tra ban đầu: Rà soát, lập danh sách đầy đủ CSGD; cập nhật thông tin quy mô, loại hình, học phí; đối chiếu dữ liệu thuế để phát hiện sai lệch. Lựa chọn CSGD có rủi ro để kiểm tra thực tế, tập trung xử lý vi phạm phổ biến như kê khai thiếu doanh thu, chậm nộp thuế; đồng thời đào tạo kỹ năng kiểm tra và nhận diện rủi ro cho công chức.

- Năm 2027 – Mở rộng kiểm tra, siết chặt kê khai: Mở rộng kiểm tra nhóm rủi ro trung bình; tăng đối chiếu doanh thu kê khai với thực tế thu học phí; yêu cầu xuất hóa đơn điện tử đầy đủ; theo dõi chặt kê khai, nộp thuế theo kỳ; xử lý dứt điểm vi phạm tồn đọng và hạn chế phát sinh nợ mới.

- Năm 2028 – Kiểm tra theo chuyên đề: Tập trung kiểm tra các loại hình rủi ro cao như trung tâm ngoại ngữ, kỹ năng, mầm non tư thục; kết hợp kiểm tra hồ sơ và thực tế; tăng cường đối chiếu dữ liệu hóa đơn điện tử với quy mô học viên; đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong xác minh.

- Năm 2029 – Duy trì kiểm tra thường xuyên: Duy trì kiểm tra định kỳ đối với nhóm rủi ro; tăng cường giám sát sau kiểm tra để hạn

chế tái phạm; xử lý nghiêm trường hợp chây ỳ, cố tình vi phạm; áp dụng cưỡng chế khi cần thiết; công khai một số trường hợp điển hình để tăng tính răn đe.

- Năm 2030 – Ổn định và nâng cao tuân thủ: Tổng kết, chuẩn hóa quy trình kiểm tra; duy trì kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; giảm dần vi phạm; nâng cao ý thức tự giác tuân thủ của CSGD, hướng tới quản lý ổn định, hiệu quả và bền vững.

4.5.3. Kinh phí, nguồn lực

- Kinh phí: Chi cho nâng cấp hạ tầng CNTT và phần mềm phân tích rủi ro; công tác kiểm tra thực tế (đi lại, công tác phí); in ấn hồ sơ, tài liệu; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; tuyên truyền, hướng dẫn CSGD.

- Nhân lực: Công chức thuế theo từng bộ phận chức năng; phối hợp cán bộ phường khi kiểm tra thực địa; huy động hỗ trợ từ cấp trên đối với vụ việc phức tạp.

- Cơ sở vật chất:

- Trang bị phòng làm việc với máy tính cấu hình cao và phần mềm phân tích dữ liệu.

- Khai thác hệ thống quản lý thuế, hóa đơn điện tử hiện có và nâng cấp chức năng phân tích rủi ro từ dữ liệu NNT.

- Hoàn thiện hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Thuế cơ sở 2, Thuế thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan.

Kết luận chương 4

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cải cách hệ thống thuế và chuyển đổi số quốc gia được đẩy mạnh, công tác quản lý thu thuế đối với các CSGD trên địa bàn phường Hải Châu đặt ra yêu cầu ngày càng cụ thể và thực chất hơn. Là khu vực trung tâm của thành phố Đà Nẵng, nơi tập trung nhiều loại hình giáo dục ngoài công lập như trung tâm ngoại ngữ, kỹ năng, mầm non tư thục..., các CSGD vừa tạo nguồn thu ngân sách, vừa tiềm ẩn rủi ro thất thu do đặc thù hoạt động linh hoạt, quy mô không đồng đều và phương thức thu học phí đa dạng, nhất là thu tiền mặt.

Trên cơ sở đó, đề án tiếp cận theo hướng vừa tăng cường hiệu quả quản lý thuế, vừa tạo điều kiện để các CSGD hoạt động ổn định, minh bạch và bền vững.

Dựa trên nền tảng lý luận ở Chương 1, đề án đã hệ thống hóa các vấn đề cơ bản về thuế và quản lý thu thuế đối với CSGD, làm rõ đặc thù ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý thu. Chương 2 cho thấy công tác quản lý thuế đã có chuyển biến tích cực với việc triển khai hóa đơn điện tử và kê khai thuế, tuy nhiên vẫn tồn tại hạn chế như dữ liệu chưa đầy đủ, khó kiểm soát doanh thu thực tế, còn thu tiền mặt và kiểm tra chưa tập trung vào nhóm rủi ro cao.

Từ đó, Chương 3 đề xuất hệ thống giải pháp theo hướng phù hợp thực tiễn, dễ triển khai tại cơ sở, gồm: tổ chức lại bộ máy quản lý theo rõ người – rõ việc; đổi mới tuyên truyền, hỗ trợ sát thực tế; lập dự toán dựa trên dữ liệu thực; tăng cường minh bạch hóa thu qua hóa đơn điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt; và đẩy mạnh kiểm tra theo rủi ro, tránh dàn trải.

Các giải pháp không đòi hỏi đầu tư lớn mà tập trung tận dụng hệ thống hiện có, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế, UBND phường, ngành giáo dục và các đơn vị liên quan để quản lý sát thực tế hơn.

Khi triển khai đồng bộ, các giải pháp không chỉ giúp tăng thu ngân sách mà quan trọng hơn là nâng cao ý thức tuân thủ thuế, giảm hành vi kê khai chưa đúng, góp phần hình thành môi trường giáo dục minh bạch, công bằng và phát triển bền vững.

Tóm lại, đề án đã cụ thể hóa định hướng nghiên cứu thành giải pháp có thể áp dụng thực tiễn, hướng tới mô hình quản lý thu thuế đối với CSGD tại phường Hải Châu hiệu quả, khả thi và bền vững trong giai đoạn 2026–2030.